

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 227/2023/HNGĐ - ST
Ngày 25 - 9 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Ông **Huỳnh Ngọc Ngươi**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** - Thư ký Tòa án

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 388/2023/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2023 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị H** – sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Đô Th** – sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 6 năm 2023 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2003, chị và anh Th tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156, ngày 27/8/2003. Trong thời gian đầu anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng về quan điểm sống, tình nghĩa vợ chồng chị đã rạn nứt không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Th.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2004 và Nguyễn Hoài Ch, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2009, hiện nay do anh chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay, cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ch, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Phan Thị H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị Phan Thị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Đô Th đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ý kiến của mình nên không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Phan Thị H nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Nguyễn Đô Th. Khi khởi kiện anh Th cư trú tại ấp R, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Anh Nguyễn Đô Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Th theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Chị H và anh Th tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 156, ngày 27/8/2003 nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Qua trình bày của chị H về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh Th, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Th. Anh Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị H. Xét thấy, hôn nhân bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân giữa chị H và anh Th mâu thuẫn trầm trọng, đã không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn với anh Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị H và anh Th có hai con chung là Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2004 và Nguyễn Hoài Ch, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2009. Hiện nay, các con chung đang sống với chị H và anh Th. Hiện nay, cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Ch. Hội đồng xét xử xét thấy, anh Th không có ý kiến gì về yêu cầu của chị H. Đồng thời, tại biên bản làm việc của Tòa án cháu Ch có nguyện vọng sống với chị H. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị H được nuôi con chung là cháu Ch phù hợp với nguyện vọng của cháu nên được chấp nhận. Giao cháu Nguyễn Hoài Ch, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2009 cho chị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Anh Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Phan Thị H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.4] Về nợ chung, nợ riêng: Chị Phan Thị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Phan Thị H phải nộp 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, các điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị H đối với anh Nguyễn Đô Th. Xử cho chị Phan Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Đô Th.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài Ch, sinh ngày 15 tháng 01 năm 2009 cho chị Phan Thị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Đô Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Đô Th không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Phan Thị H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung, nợ riêng: Chị Phan Thị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phan Thị H phải chịu số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009275 ngày 27 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Cà Mau. Chị Phan Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Chí Thêm